TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-PT
Ngày 23-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mỹ Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Võ Phu, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị L, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ L1, ấp L2, xã L3, huyện L4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ L1, ấp L2, xã L3, huyện L4, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh N sống chung với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn ngày 08-6-1991 tại Uỷ ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, thường xuyên cãi vã, anh N

thường xuyên uống rượu về nhà thì ghen tuông, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác; anh N đi làm về không đưa tiền cho chị để chi tiêu trong gia đình từ đó chị phải đi làm thuê thì anh N mắng chửi chị rất nặng lời. Vợ chồng đã ly thân, chị về sống với con gái từ tháng 3/2017. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Q, sinh năm 1990, Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 29-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án - bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của Chị L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh nghi ngờ Chị L ngoại tình vì nhiều lần anh phát hiện có số điện thoại lạ của người đàn ông gọi cho Chị L. Anh không cho Chị L đi nấu thuê nên vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau và Chị L bỏ nhà đi ở đâu, với ai anh không biết. Mỗi lần cãi nhau Chị L lại bỏ nhà đi tổng cộng 05 lần, mỗi lần đi từ 15 ngày đến một tháng. Nay Chị L có đơn yêu cầu ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Thành Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 24/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N

Xử cho chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Thành Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

Tài sản chung**:** Chị L, anh N không yêu cầu giải quyết, nên không giải quyết.

Nợ chung**:** Chị L, anh N khai không có.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05-5-2017, bị đơn anh Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định cấp sơ thẩm, không đồng ý ly hôn với Chị L.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Xét kháng cáo của anh N thấy rằng:

[1] Chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn phát sinh giữa vợ chồng Chị L và anh N: Cả Chị L và anh N đều trình bày từ năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vì anh N nghi ngờ Chị L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác do có số điện thoại lạ gọi cho Chị L. Chị L khởi kiện (lần 1) yêu cầu ly hôn với anh N, anh N có cam kết không xúc phạm Chị L nên Chị L rút đơn để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng sau đó vợ chồng cũng không tìm được biện pháp hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Nay Chị L tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh N. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L là có cơ sở. Anh N kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng tại tòa anh N không đưa ra được biện pháp hàn gắn, do đó yêu cầu kháng cáo của anh N không có căn cứ chấp nhận.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo của anh N không được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N.

Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N được ly hôn.

3. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành Q, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị L, anh N không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị L, anh N trình bày không có.

6. Về án phí:

6.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0017589 ngày 27-3-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận Chị L đã nộp đủ.

6.2. Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0017776 ngày 05-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; ghi nhận anh N đã nộp đủ.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Châu Thành;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Mai